TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST
Ngày 08/8/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Anh Tuyết
Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Nguyên Đăng
Ông Nguyễn Đức Hạnh
Bà Dương Thị Kim Hồng

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân tỉnh Hải Dương

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*****:** Ông Lê Tiến Dũng - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2022/TLST-HS ngày 31/5/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/HSST-QĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo: **Lê Thị C**, sinh năm 1987; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 94 Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Khu 6, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân B (tên gọi khác: Lê Văn B) và bà Trương Thị B1; chồng là Hoàng Mạnh Q *(đã ly hôn năm 2020)* và ba con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Trung K1 – Luật sư, Văn phòng Luật sư A, Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số X, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- ***Bị hại***:

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Đào Duy H, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 55 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Bùi Đức H1, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo ủy quyền của anh Hùng là: Ông Đỗ Văn H2; địa chỉ: Thôn D, xã P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979; Nơi đăng ký HKTT: Thôn D, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh Đồng Đức H4, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Anh Phạm Văn P, sinh năm 1986 và chị Trần Thị Bích P1, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 01, khu H, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư C, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

1. Công ty cổ phần X; trụ sở tại địa chỉ: phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S - Chức vụ: Giám đốc Công ty cổ phần X; Địa chỉ: Số 47 C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Anh Phan Hữu Đ, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 198 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn P2, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Quang Th, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 43A, T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị Phi Ng, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 180 C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Đều vắng mặt.

6. Anh Hoàng Anh D, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 50B T, phường B, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

7. Bà Quách Thị Th1, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu 2, B, phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người làm chứng***:

1. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 3/53 P, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Nguyễn Đức Th2, sinh năm 1983; địa chỉ: Khu 5, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

4. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu V, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do kinh doanh thua lỗ, cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng cách thuê xe ô tô tự lái, sau đó thuê người làm giả giấy tờ xe mang tên C rồi bán, cầm cố cho người khác để chiếm đoạt tài sản. Bằng thủ đoạn này, trong thời gian từ ngày 22/8/2020 đến ngày 25/01/2021, tại địa bàn thành phố Hải Dương, thị xã Kinh Môn và các huyện Gia Lộc, Tứ Kỳ, Kim Thành, tỉnh Hải Dương C thuê 07 xe ô tô rồi đem bán, cầm cố cho 07 công dân, chiếm đoạt tổng số tiền: 1.670.000.000 đồng, gồm:

1. Ngày 22/8/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, biển số 34A-207.61, trị giá 235.129.000 đồng của Công ty cổ phần X, địa chỉ phường N, thành phố H. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký và giấy tờ liên quan, đến ngày 26/12/2020 C bán xe ô tô cho anh Đào Duy H, sinh năm 1986, trú tại 55 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương với giá 200.000.000 đồng.

2. Ngày 10/9/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio, biển số: 34A-301.02 trị giá 252.000.000 đồng của anh Phan Hữu Đ, sinh năm 1987, trú tại phường N, TP. H. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký và giấy tờ liên quan, đến ngày 22/9/2020 C bán xe ô tô cho anh Phạm Văn T, sinh năm 1987, trú tại thôn H, xã Y, huyện G, tỉnh Hải Dương với giá 200.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 07/10/2020, C thỏa thuận với anh Đ mua lại xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio của anh Đ với giá 252 triệu đồng, C nhiều lần thanh toán tiền mua xe cho anh Đ với tổng số tiền là 95 triệu đồng.

3. Ngày 28/10/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển số: 34A-183.44, trị giá 250.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn P2, sinh năm 1992, trú tại xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký và giấy tờ liên quan, đến ngày 25/01/2021 C bán xe ô tô cho anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990, trú tại khu dân cư V, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương với giá 280.000.000 đồng.

4. Ngày 03/11/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số: 34A-324.84 trị giá 350.000.000 đồng của anh Nguyễn Quang Th, sinh năm 1969, trú tại

phường T, thành phố H, C tự nguyện để lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển số 34P8- 8805 cho anh Th. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký cùng giấy tờ liên quan, đến ngày 11/12/2020 C bán xe ô tô cho anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979, trú tại thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương với giá 200.000.000 đồng.

5. Ngày 10/11/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số: 34A-287.73, trị giá 442.705.000 đồng của anh Nguyễn Văn H5, trú tại phường T, thành phố Hải Dương. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký và giấy tờ liên quan, đến ngày 16/11/2020 C mang ô tô cầm cố cho anh Bùi Đức H1, sinh năm 1985 trú tại thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương lấy số tiền 380.000.000 đồng.

6. Tháng 11/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, biển số: 29Z-9358, trị giá 255.000.000 đồng của anh Hoàng Anh D, sinh năm 1973, trú tại phường B, thành phố H. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký cùng giấy tờ liên quan và thuê làm giả biển số 34A-204.62 *(gồm 01 biển dài và 01 biển vuông)*. Đến ngày 23/01/2021 C bán ô tô gắn biển số 34A-204.62 cho anh Phạm Văn P, sinh năm 1986, trú tại phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương với giá 250.000.000 đồng.

7. Ngày 09/12/2020, C thuê xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, biển số: 34A-101.50, trị giá 184.500.000 đồng của chị Quách Thị Th1, sinh năm 1963, trú tại phường M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi thuê người làm giả giấy chứng nhận đăng ký và giấy tờ liên quan. Đến ngày 17/12/2020 C bán xe ô tô cho anh Đồng Đức H4, sinh năm 1978, trú tại thôn N, xã G, thành phố H, tỉnh Hải Dương với giá 160.000.000 đồng.

Về phương thức làm giả giấy chứng nhận đăng ký ô tô và biển số xe: Sau khi thuê được ô tô, thông qua mạng Internet, C liên hệ với Nguyễn Thị Trúc Ph, sinh ngày 15/10/1987, địa chỉ thường trú tại 18/8 K, L, B, Đồng Nai đặt mua các bộ giấy tờ xe giả *(gồm giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ)*, hai bên thỏa thuận giá tiền 5.000.000 đồng/bộ giấy tờ xe và 1.500.000 đồng/bộ biển số xe. C đến Công ty cổ phần thế giới di động sử dụng dịch vụ Chuyển tiền Viettel chuyển tiền cho Ph tổng số tiền 56.468.000 đồng. Ph giao giấy tờ, biển số giả cho C qua dịch vụ Viettel Post. Đối với giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, C khai mua của các đối tượng bán tự do, không biết được nhân thân, lý lịch, địa chỉ.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương đã trưng cầu giám định các tài liệu: Giấy chứng nhận đăng ký ô tô, giấy giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ

thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô mang tên Lê Thị C và các giấy mua bán ô tô do bị hại cung cấp, 02 biển số ô tô. Tại các Kết luận giám định số 2353/C09-P5 ngày 20/4/2021, 4051/C09-P5 ngày 21/7/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ công an, số 21/KLGĐ ngày 20/4/2021, số 37/KLGĐ ngày 29/4/2021, số 60/KLGĐ ngày 20/8/2021, số 74/KL ngày 11/5/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 07 Giấy chứng nhận đăng ký các xe ô tô Hyundai Grand i10, biển số 34A-207.61, xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio, biển số 34A-301.02, xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển số 34A-183.44, xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 34A-324.84, xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 34A-287.73, xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, biển số 29Z-9358, xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, biển số 34A-101.50 là các Giấy chứng nhận giả (bao gồm mẫu in, hình dấu, chữ ký); 06 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của các xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio, biển số: 34A-301.02, xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, biển số 34A-183.44, xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển số 34A-324.84, xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số 34A-287.73, xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic, biển số 29Z-9358, xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, biển số 34A-101.50 là giả *(bao gồm mẫu in, hình dấu, chữ ký)*; 02 biển số xe ô tô 34A-204.62 *(01 biển ngắn và 01 biển dài)* gắn trên xe ô tô Honda Civic là biển giả.

Các Kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 31/3/2021, số 22/KL-HĐĐG ngày 02/4/2021, số 23/KL-HĐĐG ngày 02/4/2021, số 39/KL-HĐĐG ngày 29/4/2021, số 45/KL-HĐĐG ngày 29/4/2021 của Hội đồng định giá huyện Kim Thành, thành phố Hải Dương, thị xã Kinh Môn; các Kết luận định giá tài sản số 2351/KL-HĐĐG ngày 06/8/2021, số 1575/KL-HĐĐG ngày 23/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Hải Dương kết luận: Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 34A- 324.84 tại thời điểm tháng 12/2020 là 350.000.000 đồng; Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Accent 1.4AT màu trắng, số tự động, BKS 34A-287.73, sản xuất năm 20149 tại Việt Nam trị giá là 442.705.000 đồng; Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Huyndai Grand I10 màu bạc, số sàn, BKS 34A-207.61 trị giá là 235.129.000 đồng; Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic màu xám bạc trị giá là 255.000.000 đồng; Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Hyundai i10 màu bạc, biển số: 34A-101.50 trị giá là 184.500.000 đồng; Giá trị xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, màu đen, BKS 34A-183.44 trị giá là 250.000.000 đồng; Giá trị xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại RIO, BKS 34A-301.02 trị giá là 252.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 39/CT-VKS-P1 ngày 31/5/2022, Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Lê Thị C về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Thị C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b (*đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*), điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo C từ 15 năm 06 tháng đến 16 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 03 năm đến 04 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 18 năm 06 tháng đến 20 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo C, ông Trần Trung K1 trình bày: Nhất trí với các tội danh và điều khoản của Bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát viện dẫn truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh hiện tại của bị cáo gặp khó khăn, đang phải nuôi con nhỏ, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để cho bị cáo được hưởng mức án thấp hơn mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Bị cáo C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhất trí ý kiến bào chữa của ông K1 và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phan Hữu Đ trình bày: Hiện anh Đ và bị cáo C đã thỏa thuận chấm dứt việc mua bán xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio, BKS 34A-301.02, hai bên không còn có tranh chấp gì về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại xe ô tô cho anh quản lý, sử dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng*: Xét hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh*: Lời khai của bị cáo C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các kết luận giám định, kết luận định giá, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 22/8/2020 đến ngày 25/01/2021, tại địa bàn thành phố Hải Dương, thị xã Kinh Môn và các huyện Gia Lộc, Tứ Kỳ, Kim Thành, tỉnh Hải Dương, bị cáo C đã thuê 07 xe ô tô tự lái sau đó thuê người làm giả 07 giấy chứng nhận đăng ký ô tô, 06 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả và 02 biển số giả rồi đem bán, C cố cho 07 công dân, chiếm đoạt tổng số tiền: 1.670.000.000 đồng, trong đó: Chiếm đoạt của anh Đào Duy H 200.000.000 đồng, anh Phạm Văn T 200.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn K 280.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn H3 200.000.000 đồng, anh Bùi Đức H1 380.000.000 đồng, anh Phạm Văn P 250.000.000 đồng, anh Đồng Đức H4 160.000.000 đồng. Số tiền chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo C sử dụng chi tiêu cá nhân.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc gian dối khi thuê các xe ô tô, làm giả giấy tờ xe và sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để chiếm đoạt tài sản *(tiền)* của người khác là vi phạm pháp luật hình sự nhưng do vụ lợi bị cáo vẫn cố ý làm giả, sử dụng các giấy tờ giả để cầm cố, bán các xe ô tô để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Bị cáo đã làm giả và sử dụng 13 tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, đã chiếm đoạt của 07 bị hại tổng số tiền là 1.670.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo C là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 07 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mỗi hành vi của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo C phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C đã thành khẩn khai báo về các hành vi phạm tội của mình; sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10 triệu đồng tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương để khắc phục một phần thiệt hại cho các bị hại; các anh Đào Duy H, Phạm Văn T và Phạm Văn P là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] *Về hình phạt chính*: Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan Nhà nước, làm mất trật tự trị an xã hội. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả tội phạm bị cáo đã gây ra, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo ở hai tội, cách ly bị cáo C ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung với xã hội.

Bị cáo C phạm nhiều tội nên tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội theo quy định tại Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo C khó khăn và phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền lớn cho các bị hại nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:

- Bị cáo C chiếm đoạt trái phép tổng số tiền là 1.670.000.000 đồng của các bị hại, trong đó chiếm đoạt của các anh Đào Duy H 200.000.000 đồng, Phạm Văn T 200.000.000 đồng, Nguyễn Văn K 280.000.000 đồng, Nguyễn Văn H3 200.000.000 đồng, Bùi Đức H1 380.000.000 đồng, Đồng Đức H4 160.000.000 đồng, Phạm Văn P và chị Trần Thị Bích P1 250.000.000 đồng. Hiện bị hại là các anh T, K, H3, Bùi Đức H1, Đồng Đức H4 và anh P, chị P1 yêu cầu bị cáo C phải trả lại số tiền trên nên cần chấp nhận là có căn cứ, đúng quy định. Bị hại là anh Đào Duy H tự nguyện không yêu cầu bị cáo C phải bồi thường trả lại anh H số tiền 200 triệu đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của bị hại là phù hợp pháp luật.

Ngày 18/7/2022, bị cáo C đã tự nguyện nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương số tiền 10.000.000 đồng để bồi thường cho các bị hại. Do phải bồi thường cho nhiều bị hại nên khoản tiền này sẽ giải quyết trong giai đoạn thi hành án để đảm bảo quyền lợi cho những người bị hại.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quang Th, anh Nguyễn Văn H5, chị Nguyễn Thị Phi Ng, anh Hoàng Anh D, bà Quách Thị Th1 đã nhận lại tài sản là các xe ô tô, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền bị cáo C thuê xe ô tô biển số 34A-207.61 của Công ty cổ phần X, sau khi trừ số tiền đặt cọc khi thuê xe là 10 triệu đồng, Công ty yêu cầu bị cáo còn phải thanh toán số tiền thuê xe còn thiếu tính đến ngày 22/02/2021 là 4.000.000đồng; ngoài ra Công ty còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại trong thời gian chưa nhận lại xe, tương ứng với tiền thuê xe là 9.500.000đồng/tháng, thời điểm tính từ ngày hết hạn hợp đồng thuê xe đến khi Công ty nhận lại xe *(từ ngày 23/02/2021 đến ngày 06/5/2021 là 73 ngày)* = 9.500.000đồng/30 ngày x 73 ngày = 23.117.000 đồng nên cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho Công ty cổ phần X số tiền là 4.000.000 đồng + 23.117.000 đồng = 27.117.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Văn P2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại trong thời gian anh chưa nhận lại xe, tương ứng với tiền thuê xe là 10.000.000đồng, thời điểm tính từ ngày hết hạn hợp đồng thuê xe đến ngày cơ quan điều tra truy tìm được tài sản *(từ ngày 01/02/2021 đến ngày 29/6/2021 là 148 ngày)* = 10.000.000đồng/30 ngày x 148 ngày = 49.333.000 đồng nên cần buộc bị cáo C phải trả cho anh P2 số tiền này là đúng pháp luật.

[9] *Về vật chứng*: Đối với 07 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, 06 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả và 07 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Lê Thị C là vật chứng của vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối với 02 biển số xe ô tô 34A-204.62 là biển giả nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio BKS 34A-301.02 là xe thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Đ, tại phiên tòa bị cáo C và anh Đ đều xác định hai bên đã tự hủy bỏ việc mua bán xe ô tô, không còn tranh chấp gì với nhau về dân sự và các giấy tờ xe ô tô Kia Rio, biển số: 34A-301.02 (là các giấy tờ thật) gồm: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe số 5848916 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Phan Hữu Đ nên cần trả lại xe ô tô cùng các giấy tờ xe trên cho anh Đ. Đối với và 01 bản photo Giấy chứng nhận đăng ký xe có

xác nhận của Ngân hàng VP Bank xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số: 34A-287.73; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều mang tên Nguyễn Thị Phi Ng; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô biển số: 34A-287.73 là giấy tờ thật, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh H4, chị Ng nên cần trả lại cho anh Nguyễn Văn H5 và chị Nguyễn Thị Phi Ng. Đối với 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand i10, biển số 34A-207.61 và 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Công ty cổ phần X nên là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty cổ phần X nên cần trả lại các giấy tờ trên cho Công ty. Đối với 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô Toyota Innova, biển số: 34A-324.84 mang tên Nguyễn Hữu Ch là giấy tờ thuộc sở hữu của ông Nguyễn Quang Th nên cần trả lại giấy tờ này cho ông Th. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu nâu, BKS 34P8-8805 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị cáo C, bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu xe mô tô, cho phát mại sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật. Đối với 01 căn cước công dân mang tên Lê Thị C là giấy tờ tùy thân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo C là đúng quy định.

[10] *Về án phí*: Bị cáo C bị kết án và có nghĩa vụ phải bồi thường nên bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] *Những vấn đề khác*:

Trong vụ án này, đối với hành vi của anh Bùi Đức H1 nhận cầm cố xe ô tô cho bị cáo C vay tiền, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã có văn bản trao đổi với Công an huyện Kim Thành xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với anh H1 là đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Đối với Nguyễn Thị Trúc Ph là người bị cáo C khai đã làm giấy tờ, biển số xe ô tô giả, hiện Ph không có mặt tại nơi cư trú nên chưa lấy lời khai của Phương để có căn cứ khởi tố bị can đối với Ph về Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hải Dương đã ra quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định là có căn cứ nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của

Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585 và 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị C phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị C 16 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 05 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo C phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 21 *(hai mươi mốt)* năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự, xử:

- Buộc bị cáo Lê Thị C phải bồi thường thanh toán trả cho: Anh Phạm Văn T 200.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn K 280.000.000 đồng; anh Nguyễn Văn H3 200.000.000 đồng; anh Bùi Đức H1 380.000.000 đồng; anh Phạm Văn P và chị Trần Thị Bích P1 250.000.000 đồng; anh Đồng Đức H4 160.000.000 đồng.

- Chấp nhận việc anh Đào Văn Huân tự nguyện không yêu cầu bị cáo Lê Thị C bồi thường trả lại số tiền là 200.000.000 đồng.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bị cáo Lê Thị C đã nộp để bồi thường cho các bị hại vào ngày 18/7/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2021/0000771, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương tiếp tục quản lý và sẽ giải quyết, bồi thường cho các bị hại ở giai đoạn thi hành án.

- Buộc bị cáo Lê Thị C phải có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn P2 số tiền là 49.333.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)*; trả cho Công ty cổ phần X số tiền là 27.117.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu một trăm mười bảy nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng:

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 07 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả, 06 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường giả và 07 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự mang tên Lê Thị C.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 02 biển số xe ô tô 34A-204.62.

- Trả lại cho anh Phan Hữu Đ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Rio BKS 34A-301.02;

Trả cho anh Phan Hữu Đ các giấy tờ xe ô tô BKS 34A-301.02: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô *(anh Đ đã được Tòa án trả các giấy tờ xe tại phiên tòa)*.

- Trả lại anh Nguyễn Văn H5 và chị Nguyễn Thị Phi Ng: 01 bản photo Giấy chứng nhận đăng ký xe có xác nhận của Ngân hàng VP Bank xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển số: 34A-287.73; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô đều mang tên Nguyễn Thị Phi Ng; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô biển số: 34A-287.73.

- Trả lại Công ty cổ phần X các giấy tờ liên quan đến xe ô tô Hyundai Grand i10, biển số 34A-207.61, gồm: 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe ô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự xe ô tô.

- Trả lại ông Nguyễn Quang Th: 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của xe ô tô Toyota Innova, biển số: 34A-324.84.

- Tịch thu, cho phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu nâu, BKS 34P8-8805 và giấy đăng ký xe mô tô.

- Trả lại bị cáo Lê Thị C: 01 Căn cước công dân mang tên Lê Thị C *(Bị cáo C đã được Tòa án trả tại phiên tòa)*.

(*Các vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng vụ án và lưu trong hồ sơ vụ án*).

5. Về án phí: Bị cáo Lê Thị C phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 58.093.500 đồng *(năm mươi tám triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT - Công an tỉnh Hải Dương;
- CQTHAHS - Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Anh Tuyết